QUẢN LÍ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

ThS. VÕ HỒNG SƠN*

Abstract: *In the context of Vietnam's entry into Trans-Pacific Partnership (TPP), being a member of the ASEAN Economic Community and economic integration, training high quality human resources is required inevitably. To do this task, the colleges need to promote the implementation of credit training system and strengthen management of learning activities in line with policy of the government as well as the direction of the Ministry of Education and Training*

Keywords: *student, manage learning activities, training credit system.*

1. Sự cần thiết phải quản lí (QL) hoạt động học tập (HĐHT) của sinh viên (SV) trong đào tạo (ĐT) theo hệ thống tín chỉ (HTTC)

Năm 2001, Bộ GD-ĐT đã quyết định tổ chức ĐT, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng (CĐ) cho SV theo HTTC; mục tiêu đến năm 2010 là hoàn thiện chương trình ĐT mới này để dần thay thế cho hình thức ĐT niên chế hiện nay.

Quy chế ĐT đại học và CĐ hệ chính quy theo HTTC (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT) đã quy định: *"Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập (HT) của SV. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lí thuyết; 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận;45-90 giờ thực tập tại cơ sở;45-60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lí thuyết hoặc thực hành, thí nhiệm, để tiếp thu được một tín chỉ SV phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Hiệu trưởng các trường quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường"*.

Ưu thế của ĐT theo HTTC là không chỉ đơn thuần rút ngắn thời gian học, mà kiến thức được cấu trúc thành các module (học phần) và SV phải tích lũy được khối lượng kiến thức định sẵn theo từng phần đó chứ không phải theo năm học. Khác với ĐT niên chế, ĐT theo học chế tín chỉ không giới hạn thời gian học, SV sẽ phải chủ động xây dựng lộ trình HT của riêng mình, từ đó lựa chọn môn học, thời gian HT, thậm chí lựa chọn cả giảng viên (GV) sao cho phù hợp nhất với năng lực, sở thích, sức khỏe và tình hình tài chính của mỗi người.

Trong quá trình dạy học (DH), SV chỉ có khoảng 1/3 thời gian được GV hướng dẫn trên lớp; thời gian còn lại, SV phải tự học, tự nghiên cứu. Nếu không thực hiện tốt hoạt động tự học, tự nghiên cứu, SV không thể hoàn thành yêu cầu của bài học, đồng thời không thể có đủ điều kiện tiếp cận, tiếp thu các nội dung kiến thức tiếp theo.

QL tốt HĐHT và các yếu tố ảnh hưởng đến HĐHT của SV là hỗ trợ SV vượt qua các áp lực, khó khăn của việc HT theo HTTC, hoàn thành và nâng cao hiệu quả HT của SV. Đối với người học, QL HĐHT giúp SV thay đổi nhận thức, giáo dục (GD) mục đích, động cơ, ý thức trách nhiệm của SV trong quá trình HT ngay từ khi bắt đầu nhập học. Đối với nhà QL, có được thông tin phản hồi về tình hình HT sẽ cung cấp những dữ liệu giá trị cho hoạch định ĐT và quyết định kịp thời điều chỉnh hệ thống những tác động QL nâng cao chất lượng ĐT, đáp ứng được yêu cầu xã hội.

2. Nội dung công tác QL HĐHT của SV trong ĐT theo HTTC nói chung

Thực chất, QL HĐHT của SV là hệ thống những tác động có ý thức của chủ thể QL trong nhà trường lên quá trình nhận thức của SV, giúp họ thực hiện các nhiệm vụ HT. QL HĐHT của SV phải đảm bảo sao cho SV không chỉ là khách thể của hoạt động dạy mà phải biến họ thành chủ thể hoạt động tích cực, độc lập, sáng tạo chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng (KN), kĩ xảo và năng lực nghề nghiệp sau này.

Nội dung QL HĐHT của SV bao gồm: đảm bảo SV thực hiện đầy đủ, chính xác quy chế HT và rèn luyện; đổi mới phương pháp HT; xây dựng phương pháp tự kiểm tra, tự đánh giá phù hợp; hướng dẫn SV xây dựng mục tiêu và kế hoạch HT cá nhân. Để thực hiện tốt nội dung công tác QL HĐHT của SV, các cơ sở ĐT phải làm tốt một số nhiệm vụ sau đây:

* Trường Cao đẳng Thương mại Đà Nẵng

2.1. Xây dựng kế hoạch HT của SV: Mỗi SV, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu HT của mình, xác định một lộ trình HT theo kế hoạch HT riêng và có thể thay đổi khi cần, nhưng điều quan trọng là phải tuân thủ kế hoạch đã đặt ra. Nhờ có kế hoạch HT mà SV có thể chủ động trong việc đăng kí thời gian cho các môn học bắt buộc, lựa chọn các môn học tự chọn theo đúng quy định, biết cách phân phối thời gian một cách hợp lí để việc học đạt hiệu quả tối đa.

2.2. Lựa chọn phương pháp, hình thức HT: Phương pháp HT của SV phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp DH của GV, đề cao tính tự lực, độc lập, hợp tác trong HT; hướng tới sự chủ động tiếp thu kiến thức, hình thành KN nghề nghiệp. Các phương pháp thường được áp dụng là: DH nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp tình huống, kiến tạo, thực hành, làm việc theo nhóm, làm việc theo sách,...

GV hướng dẫn SV cách tìm kiếm, nắm bắt thông tin liên quan đến môn học. SV có thể tìm tài liệu, thông tin, hỗ trợ cho HT thông qua nhiều nguồn như mạng Internet, các hoạt động ngoại khóa, các bài thực hành, thực nghiệm trong phòng thí nghiệm hoặc ở các cơ sở thực tập.

Trong HTTC, hình thức HT của SV là rất đa dạng, được chi phối bởi hoạt động giảng dạy của GV trong quá trình tổ chức DH phù hợp với mục đích, nội dung, chương trình nhằm đạt tới chất lượng và hiệu quả nhất định; có thể sử dụng nhiều hình thức DH như seminar, tự học, tự nghiên cứu bằng việc thực hiện các bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận, thực hành ở xưởng trường để SV có cơ hội tìm tòi khám phá, thể hiện nhận thức, hành vi thái độ với môn học. Hình thức HT được xác định tùy thuộc vào những mối quan hệ của các yếu tố cơ bản như: DH có tính chất tập thể hay cá nhân; mức độ hoạt động độc lập của SV trong quá trình tiếp thu tri thức, KN; phương thức hướng dẫn, tổ chức và điều khiển HĐHT của SV; địa điểm, thời gian HT...

2.3. Đánh giá kết quả HT của SV là đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu đề ra sau quá trình DH, các mục tiêu này thể hiện ở từng môn học, module ĐT cụ thể; là xác định mức độ nắm được kiến thức, năng lực thực hiện các KN, kĩ xảo của SV so với yêu cầu của chương trình đề ra. Các phương pháp đánh giá: đánh giá trực tiếp (bao gồm việc quan sát hoạt động của SV trong giờ học, ngoại khóa), đánh giá gián tiếp (người đánh giá quan tâm đến kết quả cuối cùng, qua các bài tập của SV, tham khảo nhận xét của đồng nghiệp), đánh giá bổ sung (dựa vào kết quả một đợt tập huấn, hoạt động ngoại khóa hoặc những chứng chỉ HT của SV).

Hình thức đánh giá: có thể thực hiện đánh giá hình thành (formative Assessment) được tổ chức thường xuyên trong quá trình DH và định kỳ cuối mỗi chương, phần và đánh giá kết thúc (Summative Assessment) được thực hiện vào cuối học phần lí thuyết, thực hành hoặc một module vào cuối khóa.

2.4. Đảm bảo các điều kiện HT của SV là tiền đề vật chất để thực hiện nhiệm vụ HT. Những thay đổi trong hoạt động DH khi áp dụng học chế tín chỉ kéo theo sự thay đổi những yêu cầu về cơ sở vật chất và tài chính phục vụ. Thời gian và nội dung tự học tăng lên kéo theo những đòi hỏi về không gian tự học, về nguồn tài liệu tra cứu và HT, về các phương tiện kĩ thuật phục vụ ĐT, đặc biệt là các phương tiện nghe, nhìn và mạng Internet. Kế hoạch DH mềm dẻo này mang tính cá nhân dẫn đến việc phải xây dựng lại quy chế tài chính phục vụ DH, bởi vì SV không học theo buổi cố định, không đòi hỏi phải xây dựng thêm phòng học và áp dụng quy trình QL phòng học, trang thiết bị phù hợp. Các điều kiện cho HĐHT của SV bao gồm: trang bị hệ thống phòng học với các trang thiết bị cần thiết phục vụ việc giảng dạy và HT; các phòng tự học để SV HT, trao đổi ngoài giờ lên lớp; các phòng thực hành, thực tập, thí nghiệm để đáp ứng mục tiêu, nhu cầu HT, nghiên cứu của SV; thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, xây dựng thư viện điện tử với cơ sở dữ liệu phong phú, có kết nối Internet.

Tóm lại, để QL HĐHT của SV, các trường cần phải tập trung trang bị cho SV động cơ HT đúng đắn, cung cấp cho họ những KN, phương pháp tự học ngay từ đầu khóa học như: KN xác định nội dung tự học hợp lí, khoa học; KN xây dựng kế hoạch HT phù hợp với bản thân, giúp SV tự học đạt hiệu quả cao.

3. Nội dung QL HĐHT của SV trường CĐ trong ĐT theo HTTC

HĐHT của SV trường CĐ mang tính đặc trưng của hoạt động nghề nghiệp tương lai, không chỉ tiếp thu những kiến thức tổng quát, nền tảng cơ sở mà còn tiếp cận hệ thống tri thức, KN và thái độ về nghề nghiệp, hình thành những phẩm chất của người chuyên gia, người lao động trực tiếp trong tương lai. Nội dung công tác QL HĐHT của SV ở các trường CĐ bao gồm:

3.1. QL nội dung, chương trình, kế hoạch ĐT theo HTTC. Chương trình GD CĐ thể hiện mục tiêu GD của trường CĐ; quy định chuẩn kiến thức, KN, phạm vi cấu trúc nội dung ĐT, phương pháp và hình thức ĐT, cách thức đánh giá kết quả ĐT đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ ĐT; đảm bảo yêu cầu liên thông với các chương trình GD khác.

Chương trình ĐT trong ĐT theo HTTC có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện của người học; đồng thời, có sự linh hoạt, mềm dẻo trong sắp xếp cấu trúc, nội dung chương trình để phù hợp với người học và đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

Nội dung GD-ĐT được xây dựng theo quan niệm về phát triển chương trình, đặc biệt là GD chuyên nghiệp, bao gồm hai giai đoạn chủ yếu là: phân tích, mô tả ngành nghề và soạn thảo chương trình. Khi xác định nội dung ĐT cho một ngành cụ thể, phải lựa chọn nội dung phù hợp với mục tiêu đề ra, phát huy được tài nguyên, tiềm năng mà con người đang có cần khai thác, phù hợp với phương hướng và chính sách phát triển KT-XH của quốc gia, của địa phương, phản ánh và tiếp thu được tiến bộ khoa học kĩ thuật. Để thích ứng với nền kinh tế thị trường, nội dung chương trình ĐT cần xây dựng theo hướng ĐT con người kiến thức hiện đại, sáng tạo và linh hoạt trong công việc.

3.2. QL việc xác định mục tiêu HT của SV trường CĐ trong ĐT theo HTTC. Việc xác định mục tiêu HT của SV xuất phát từ nhu cầu về nhân lực trong xã hội, đảm bảo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu thay đổi trước bối cảnh xã hội, có khả năng đổi mới tư duy, luôn chủ động cập nhật kiến thức mới. Bên cạnh đó, họ còn phải có KN làm việc nhóm và KN QL, tổ chức, tức là thuyết phục đồng đội làm theo đề xuất của mình. Chính vì vậy, mục tiêu HT của SV được hình thành và thống nhất với mục tiêu của hoạt động DH và quá trình GD.

3.3. QL việc xây dựng kế hoạch HT của SV. Kế hoạch HT là bảng phân chia nội dung HT theo thời gian một cách hợp lí, khoa học dựa trên yêu cầu, nhiệm vụ HT và khả năng của bản thân SV nhằm đạt được các mục tiêu ĐT hoặc các mục tiêu của môn học.

Việc xây dựng một kế hoạch HT của SV trong HTTC có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại của việc hoàn thành nhiệm vụ HT. Xây dựng được một kế hoạch HT hợp lí, khoa học sẽ góp phần nâng cao chất lượng HT của SV.

Kế hoạch HT có thể thay đổi và điều chỉnh cho phù hợp; vì vậy, nhà trường cần giúp SV có KN điều chỉnh kế hoạch HT khi cần thiết. Về mặt lí thuyết, trong HTTC, bắt đầu một học kì, mỗi SV tự quyết định các môn mà mình sẽ theo học trong học kì đó và tiến hành đăng kí thời khóa biểu. Sau khi đăng kí, SV sẽ chủ động được thời gian HT trong học kì của mình, từ đó xác định nhiệm vụ, phương tiện, biện pháp để thực hiện các mục tiêu để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

3.4. QL phương pháp HT của SV. Phương pháp và hình thức HT của SV có mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố của quá trình DH trong HTTC. Với chức năng tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức cho người học, phương pháp DH có tác dụng định hướng phương pháp HT cho SV, đặc biệt là trong ĐT theo HTTC. Điều này đòi hỏi SV cần tự giác, tích cực, chủ động sử dụng phương pháp, hình thức HT một cách tương ứng và nhà trường cần có cơ chế cho SV phát huy năng lực chủ động trong việc HT qua việc thực hiện đúng đề cương môn học đã được công bố.

3.5. QL hình thức HT của SV:

- Về dạy, học trên lớp: hoạt động DH trên lớp, chủ yếu các giờ lí thuyết, hướng dẫn chung về bài tập, tổ chức thảo luận theo chủ đề và có sự hướng dẫn của GV, các hoạt động khác theo yêu cầu của GV được nêu trong đề cương bài giảng và các vấn đề lớn, câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng trước khi giảng nhằm lôi cuốn sự tập trung sự chú ý của SV. Bằng hình thức này, SV chủ động trong nhận thức bài giảng, đồng thời khuyến khích SV khám phá, chiếm lĩnh tri thức. Sau đó, GV có thể sử dụng các hình thức tổ chức DH khác như chia nhóm thảo luận, mô phỏng hoặc nghiên cứu theo chuyên đề.

- Về dạy, học thực hành, thực tập: chủ yếu là hoạt động DH trong phòng thực hành, thí nghiệm; SV làm các bài thực hành thí nghiệm có sự hướng dẫn của GV, kĩ thuật viên nhằm bổ sung, làm rõ các kiến thức được học qua các môn học. Các hoạt động thực hành, thực tập đóng vai trò rất quan trọng trong việc biến những lí thuyết thành thực tiễn sinh động. Thông qua những giờ thực tế này, SV có dịp tiếp cận với những yêu cầu cụ thể, thực hành những thao tác nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn.

- Về tự học, tự nghiên cứu ngoài lớp: Trên lớp, GV giới thiệu các vấn đề, kiểm tra và đánh giá việc HT qua những nội dung chính, cơ bản, cốt lõi nhất. SV tự HT, bổ sung kiến thức, KN cần thiết để hỗ trợ việc học tốt hơn; tự lựa chọn một cách phù hợp giữa năng lực HT cũng như tài chính và các điều kiện khác của mình với tiến độ và cường độ HT, sao cho việc HT của mình diễn ra nhanh nhất, hiệu quả nhất.

3.6. QL nền nếp HT của SV là QL việc chấp hành các quy định về hoạt động học như các nội quy, quy chế... theo một nền nếp nhất định, ổn định có kỉ cương, nghiêm chỉnh và tự giác. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong QL GD nói chung và QL nhà trường nói riêng, là bộ phận cấu thành nên hệ thống QL quá trình GD ĐT trong nhà trường.

QL nền nếp HT cũng là sự tác động của chủ thể QL đến quá trình HT của học viên, làm cho học viên tích cực, chủ động tự chiếm lĩnh tri thức bằng sự cố gắng nỗ lực phấn đấu của chính mình và có liên quan chặt chẽ với quá trình tổ chức DH của GV.

3.7. QL việc kiểm tra, đánh giá kết quả HT của SV. Đối tượng kiểm tra, đánh giá kết quả HT bao gồm: hệ thống các kiến thức khoa học gồm cả các phương pháp nhận thức; hệ thống KN, kĩ xảo; khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế, sự sáng tạo trong việc vận dụng và thái độ, tình cảm đối với nghề nghiệp, đối với xã hội.

Đánh giá kết quả HT của SV cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản là: đảm bảo đạt được mục tiêu GD, tính khách quan và tính công khai. Kiểm tra, đánh giá kết quả HT của SV từ khâu chuẩn bị tiến hành đến khâu công bố kết quả không những có ý nghĩa GD mà còn có ý nghĩa xã hội, thể hiện tính dân chủ cũng như góp phần hạn chế tiêu cực trong GD.

3.8. QL các điều kiện HT của SV trường CĐ trong ĐT theo HTTC. QL các điều kiện đảm bảo cho HĐHT của SV bao gồm:

- Bảo đảm phương tiện HT, giáo trình, tài liệu.
- Bảo đảm trang bị cơ sở vật chất, tài chính phục vụ HT như xây dựng các thư viện với đầy đủ các dịch vụ thông tin, đầy đủ sách, báo, tạp chí, có phòng đầy đủ điều kiện để SV giao lưu, trao đổi thông tin, phương pháp HT với mọi người. Ngoài ra, cần xây dựng hệ thống các căng tin, dịch vụ khác.
- Xây dựng môi trường ĐT là đảm bảo môi trường đầy đủ vật chất - kĩ thuật phục vụ các hoạt động chuyên môn, đời sống của cán bộ, GV, SV và xây dựng môi trường tâm lí cho việc DH.
- Xây dựng các hoạt động phục vụ ĐT và đảm bảo chất lượng ĐT cho HĐHT, gồm các hoạt động từ tổ chức đến thông tin, từ QL đến phục vụ, từ marketing đến kiểm định chất lượng.

* * *

Các nội dung QL HĐHT trên đây của SV các trường CĐ trong HCTC đòi hỏi phải có sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất giữa cấp ủy, lãnh đạo nhà trường, được thể hiện bằng kế hoạch, nội quy, quy định về giảng dạy và HT trong toàn trường.

Trong giai đoạn hiện nay, nhất là khi đất nước ta tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), là thành viên Cộng đồng kinh tế ASEAN và hội nhập quốc tế sâu rộng, để đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao phù hợp với trình độ phát triển của xã hội, các trường đại học, CĐ cần đẩy mạnh thực hiện ĐT theo HTTC và tăng cường công tác QL HĐHT của SV theo chủ trương của Đảng, Nhà nước và Bộ GD-ĐT. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2005). *Đề án Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020.*

[2] Bộ GD-ĐT (2007). *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

[3] Bộ GD-ĐT (2010). *Giới thiệu luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.*

[4] Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo (2009). *Quản lí giáo dục.* NXB Đại học Sư phạm.

[5] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 711/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020.*

[6] Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 14/ 2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, giai đoạn 2006-2020.*

Phối hợp giữa trung tâm học tập...

(Tiếp theo trang 60)

hướng tuyển sinh và ĐT; + Xác định trách nhiệm trong giải quyết việc làm của DN trong hợp đồng phối hợp dựa trên các tiêu chí về số lượng, cơ cấu, yêu cầu về kĩ năng của NLĐ; Trách nhiệm giải quyết việc làm của DN trong hợp đồng ĐT được 3 bên kí kết: TTHTCĐ - DN - người học.

Có thể thực hiện đồng bộ 3 biện pháp trên để đánh giá tình hình và nhu cầu về LĐ của các DN sát thực hơn cũng như nâng cao chất lượng ĐT, khẳng định vị thế của các TTHTCĐ trong tỉnh.

Với sự phối hợp này, Hải Dương tin chắc sẽ chủ động tạo được NNL địa phương ổn định, có chất lượng, phù hợp và đáp ứng nhu cầu về LĐ cho các DN trên địa bàn tỉnh, đồng thời phát huy hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ trong việc ĐT NNL cũng như xây dựng và phát triển các TTHTCĐ theo chủ trương của Đảng, Nhà nước. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Chính phủ (2005). *Quyết định số 112/2005/QĐ–TTg ngày 18/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010".*

[2] Bộ GD-ĐT và Hội Khuyến học Việt Nam (2005). *Tài liệu Hội nghị sơ kết 5 năm xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng.*

[3] Bộ GD-ĐT (2005). *Dự thảo Quy chế về tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn.*